UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 98 /BC-UBND	*Hưng Yên, ngày 03 tháng 7 năm 2023*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Kết luận số 686-KL/TU ngày 30/6/2023 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2023, UBND tỉnh báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2023 như sau:

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023 trong bối cảnhcó nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen như: Môi trường đầu tư của tỉnh được cải thiện đáng kể, cùng những chính sách ưu đãi nhằm thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước đã giúp Hưng Yên đón nhận các nguồn vốn đầu tư lớn, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại những khó khăn như: tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, lạm phát tăng cao, lãi vay, tỷ giá ngoại tệ vẫn duy trì ở mức cao; chi phí nguyên vật liệu đầu vào leo thang, đơn hàng bị cắt giảm ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sản xuất; thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; cùng với sự nỗ lực phấn đấu cao của toàn thể nhân dân và doanh nghiệp trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023 đạt kết quả khá tích cực.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

- Về kinh tế: Kinh tế tiếp tục phục hồi, đạt mức tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm 2022. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng khoảng 8,21% (cùng kỳ năm 2022 tăng 8,13%; kế hoạch năm 2023 tăng 9%). Kết quả này giúp tỉnh Hưng Yên giữ vững vị trí là một trong những tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao của cả nước và vùng đồng bằng sông Hồng,xếp thứ 7/63 tỉnh, thành phố trong cả nước và xếp thứ 4/11 tỉnh, thành phố thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,16% (KH năm tăng 9,5%). Giá trị sản xuất các ngành: Xây dựng tăng 13,24% (KH năm tăng 20%); thương mại và dịch vụ tăng 10,42% (KH năm tăng 9%); nông nghiệp và thủy sản tăng 2,26% (KH năm tăng 2,2%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ 52.136 tỷ đồng, tăng 163,56% so với cùng kỳ năm trước, (KH cả năm tăng 52.000 tỷ đồng). Kim ngạch xuất khẩu 2.890 triệu USD, giảm 16,8% so với cùng kì, đạt 41,3% kế hoạch. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 29.489,8 tỷ đồng, tăng 51,7% so với cùng kỳ, đạt 46,4% kế hoạch. Thu ngân sách đến ngày 29/6/2023 đạt 15.223,4 tỷ đồng, giảm 42,2% so với cùng kỳ, đạt 66,4% dự toán giao, trong đó: Thu nội địa 13.557,2 tỷ đồng, giảm 43,5% so với cùng kỳ, đạt 74,4% dự toán giao; Nếu trừ thu tiền sử dụng đất, thu đạt 10.651,8 tỷ đồng đạt 114,9% dự toán giao; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 1.666,2 tỷ đồng, giảm 28,8% so với cùng kỳ, đạt 35,5% dự toán. Chi ngân sách đến ngày 30/6/2023 đạt 7.128,7 tỷ đồng, đạt 36% kế hoạch. Trong đó: Chi đầu tư phát triển 3.839,5 tỷ đồng, đạt 32% kế hoạch; Chi thường xuyên 3.289,2 tỷ đồng, đạt 42,1% so với dự toán.

- Về xã hội: Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia 80,8% (KH 87,38%); Tỷ lệ phòng học kiên cố 93,58% (KH 95,67%). Hoàn thành tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2022-2023. Duy trì tỉ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%; Tỷ lệ giới tính khi sinh 125 bé trai/100 bé gái, cùng kỳ 127,2 bé trai/100 bé gái), KH 118,4 bé trai/100 bé gái; Tạo việc làm mới cho 14.740 lao động tăng 28,17% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 61,4% kế hoạch năm; tuyển sinh, đào tạo 23.000 người, tăng 4,5% so với cùng kỳ, đạt 36,8% kế hoạch năm; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (KH năm 93,8%); Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 40% (KH 46,3%); Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100% theo chuẩn cũ (KH 100%); có 9 bác sỹ và 30 giường bệnh/1 vạn dân (KH 9,5 bác sỹ và 31 giường bệnh/1 vạn dân); ước có thêm 10 khu dân cư kiểu mẫu (KH 30 khu dân cư); 15 xã nông thôn mới nâng cao (KH 30 xã); 05 xã nông thôn mới kiểu mẫu (KH 10 xã).

- Về môi trường, đô thị: Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý ước đạt 100%; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý ước đạt 100%; Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường ước đạt 85,7%; Tỷ lệ đô thị hóa ước đạt 43,4%.

2. Về phát triển kinh tế

2.1. Sản xuất công nghiệp, xây dựng

Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp được tăng cường. Công tác giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp được đẩy mạnh. Giải phóng mặt bằng được 356,2 ha đất khu, cụm công nghiệp (273 ha đất KCN và 83,2ha đất CCN). Đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp được khoảng 103 ha, đạt 79,2% kế hoạch năm 2023. Đang khẩn trương hoàn thiện hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án hạ tầng khu công nghiệp Thổ Hoàng. Đang rà soát, điều chỉnh quyết định thành lập đối với 07 CCN. Chủ động xây dựng phương án Cung ứng điện năm 2023 trong trường hợp thiếu nguồn điện.

Tình hình sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn nguyên nhân chính là do: lạm phát tăng cao, lãi vay, tỷ giá ngoại tệ biến động tăng; chi phí nguyên vật liệu đầu vào vẫn leo thang, một số thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, đơn hàng bị cắt giảm; doanh nghiệp thiếu vốn; hàng sản xuất ra khó tiêu thụ, khiến cho các ngành công nghiệp lớn như sắt thép, da giầy, điện tử,... bị ảnh hưởng; Nhiều sản phẩm chủ lực của tỉnh giảm hoặc tăng thấp so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp chỉ đạt 106,46%, cùng kỳ năm trước đạt 109,76%. Tuy nhiên so với tình hình chung của cả nước, ngành công nghiệp trong tỉnh vẫn có điểm tích cực nhờ vào sự tăng trưởng khá của một số ngành như: Thùng hộp bằng bìa cứng tăng 17,2%; sản phẩm plastic các loại tăng 9,5%; quần áo các loại tăng 8,7%; thức ăn cho gia cầm tăng 8,3%.

Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng, phát triển đô thị được quan tâm. Đã hoàn thành công tác lập quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đang trình Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh. Tổ chức công bố và triển khai thực hiện Quy hoạch chung đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đến năm 2040. Đã phê duyệt quy hoạch chung thị xã Mỹ Hào và một số đồ án quy hoạch trọng tâm như: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Hưng Yên đến năm 2035; 03 đồ án quy hoạch chi tiết khu đô thị và các khu chức năng, 04 dự án cụm công nghiệp. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 43,4%; tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch đạt 87%; tỷ lệ chiều dài tuyến đường chính và khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng 65%. Giá trị sản xuất ngành xây dựng ước tăng 13,24%. Hoạt động xây dựng chịu ảnh hưởng do giá cả nguyên vật liệu xây dựng tăng cao, tuy nhiên vẫn duy trì và phát triển khá,đặc biệt là hoạt động xây dựng tại các khu đô thị lớn như: khu đô thị Ecopark, khu đô thị sinh thái Dream City và khu đô thị Đại An.

2.2. Thương mại, dịch vụ

Khu vực dịch vụ có sự phục hồi ấn tượng và tăng trưởng mạnh. Nguyên nhân chủ yếu do từ đầu năm đến nay các ngành dịch vụ đã trở lại hoạt động bình thường, đặc biệt là hoạt động kinh doanh bất động sản tiếp tục có đóng góp lớn vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Ước tính giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ ước tăng 10,42%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước đạt 52.136,6 tỷ đồng, vượt mục tiêu kế hoạch cả năm, tăng 163,56%; Kim ngạch xuất khẩu 2.890 triệu USD, đạt 41,3% kế hoạch, giảm 16,8% so với cùng kì; Kim ngạch nhập khẩu 2.480,6 triệu USD, giảm 16,56%.

Thực hiện tốt công tác chuẩn bị hàng hóa, cân đối cung cầu, bình ổn thị trường phục vụ tiêu dùng dịp Tết Nguyên đán. Hoạt động xúc tiến thương mại được tăng cường: Tổ chức thành công Phiên chợ Vải Hưng Yên năm 2023; tiếp tục chuẩn bị tổ chức chuỗi các hoạt động xúc tiến tiêu thụ Nhãn và nông sản tỉnh Hưng Yên năm 2023. Đã phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại địa phương năm 2023. Đồng thời tích cực thông tin đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh để đăng ký tham gia Sàn giao dịch thương mại điện tử, tham dự các Hội chợ, Hội thảo được tổ chức tại các tỉnh thành trên cả nước. Xuất nhập khẩu và thương mại quốc tế được đẩy mạnh. Tiếp tục triển khai Đề án Xúc tiến thương mại xuất khẩu nhãn và các sản phẩm chế biến từ nhãn sang thị trường Nhật Bản giai đoạn 2021-

2025. Tổ chức thúc đẩy xuất khẩu xuyên biên giới qua Amazon: Sự kiện "Thương mại điện tử xuyên biên giới: Kỷ nguyên bứt phá" cho các ngành hàng, sản phẩm đặc trưng của tỉnh và khu vực. Hoạt động khuyến công được quan tâm, đã tiến hành khảo sát, xây dựng kế hoạch khuyến công đợt 1 năm 2023.

2.3. Sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục ổn định, không có dịch bệnh xảy ra đối với cây trồng và vật nuôi; giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản ước tăng 2,26% so với cùng kỳ năm trước. Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân đạt 38.211 ha, giảm 5,79% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, diện tích lúa 25.335ha, đạt 100,8% kế hoạch, giảm 6,5%; diện tích gieo, cấy nhóm giống lúa chất lượng cao 17.648ha, chiếm 69,5%; sản lượng thóc 171.261 tấn, giảm 6,5%. Đã chuyển đổi được khoảng 250 ha cây trồng kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả lâu năm và cây trồng hàng năm, đạt 26,5% kế hoạch. Tổ chức xây dựng được 63 mô hình sản xuất lúa tập trung (*từ 05 ha trở lên*) với tổng diện tích thực hiện là 930 ha. Các loại cây ăn quả phát triển tốt, dự kiến sản lượng: Chuối 51.216 tấn, tăng 2,01%; cam 21.342 tấn, giảm 3,33%; ổi 11.720 tấn, tăng 9,30% so với năm 2022. Công tác phòng, trừ sâu, bệnh gây hại trên cây trồng được triển khai kịp thời.

Hoạt động chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định. Đã tổ chức triển khai tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường trên địa bàn toàn tỉnh và tiêm phòng các loại vắc xin đúng theo kế hoạch. Đến nay chất lượng con giống được nâng lên. Hình thức và quy mô chăn nuôi cũng thay đổi theo hướng tăng chăn nuôi trang trại đảm bảo an toàn sinh học (ATSH) và giảm chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ.Ước tính đàn trâu tăng 4,3%; đàn lợn tăng 5,41%; đàn gia cầm tăng 1,23%. Ước tính sản lượng chăn nuôi đạt 81.832 tấn, tăng 6,35%. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước khoảng 4.813 ha, giảm 3,5%. Sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm ước đạt 27.266 tấn (tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2022).

Công tác thuỷ lợi được triển khai khá đồng bộ, tổ chức theo dõi sát diễn biến thời tiết, nguồn nước và chỉ đạo triển khai các giải pháp, vận hành hệ thống thuỷ lợi đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất.Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai toàn diện. Có thêm 10 khu dân cư kiểu mẫu (KH 30 khu dân cư); 15 xã nông thôn mới nâng cao (KH 30 xã); 05 xã nông thôn mới kiểu mẫu (KH 10 xã); nâng tổng số lên 103 khu dân cư kiểu mẫu, 98 xã nông thôn mới nâng cao và 24 xã nông thôn mới kiểu mẫu. Thành lập mới được 10 HTX nông nghiệp, đạt 50% kế hoạch, nâng tổng số hợp tác xã toàn tỉnh lên 373 HTX; duy trì, hướng dẫn hỗ trợ 183 HTX xây dựng liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản cho thành viên và nông dân trên địa bàn, đạt 50% KH.

2.4. Công tác thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Tổ chức thành công Hội nghị lãnh đạo tỉnh gặp mặt doanh nghiệp, doanh nhân năm 2023 để lắng nghe, tiếp thu, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp. Đã tiếp nhận mới và điều chỉnh cho 106 dự án, với số vốn điều chỉnh cấp mới và tăng thêm là 10.716,7 tỷ đồng và 356,52 triệu USD. Trong đó: Có 46 dự án đầu tư mới với tổng vốn đăng ký đạt 9.551,4 tỷ đồng và 255,79 triệu USD. Có 64 lượt dự án điều chỉnh, trong đó có 36 lượt dự án điều chỉnh tăng

vốn với tổng vốn đầu tư tăng thêm là 590,7 tỷ đồng và 105,46 triệu USD. Đưa tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh lên 2.165 dự án (1.645 dự án trong nước, 520 dự án nước ngoài), tổng vốn đăng ký 318.312 tỷ đồng và 6,46 tỷ USD .

Có 815 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký mới đạt 17.388,7 tỷ đồng, tăng 1,7 lần so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 200 doanh nghiệp, giảm 22,4%; số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh là 420 doanh nghiệp, tăng 9,3%; số doanh nghiệp đã giải thể là 86 doanh nghiệp, tăng 24,6%. Đến nay trên địa bàn tỉnh có 15.693 doanh nghiệp đăng ký hoạt động với số vốn đăng ký trên 192.518 tỷ đồng; 1 liên minh HTX; 478 HTX; 471 tổ hợp tác.

2.5. Tài chính - tiền tệ

Tổng thu ngân sách 15.223,4 tỷ đồng, giảm 42,2% so với cùng kỳ, đạt 66,4% dự toán giao, trong đó: Thu nội địa 13.557,2 tỷ đồng, giảm 43,5% so với cùng kỳ, đạt 74,4% dự toán giao;c nếu không tính thu tiền sử dụng đất, thu nội địa ước đạt 10.651,8 tỷ đồng đạt 114,9% dự toán giao; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 1.666,2 tỷ đồng, giảm 28,8% so với cùng kỳ, đạt 35,5% dự toán. Một số khoản thu, sắc thuế có tiến độ thu tốt và tăng trưởng khá so với cùng kỳ như: Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ước đạt 193,1% dự toán, tăng 210,3%; Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 71,5% dự toán, tăng 41,8%; Xổ số kiến thiết ước đạt 57,1% dự toán, tăng 23,9%; phí và lệ phí ước đạt 67,6% dự toán, tăng 2%; Thu hoa lợi công sản ước đạt 210% dự toán, tăng 20,7%. Tổng chi ngân sách nhà nước đạt 7.282,8 tỷ đồng, đạt 35,53% kế hoạch. Trong đó: Chi đầu tư phát triển 3.378,8 tỷ đồng, đạt 40,2% kế hoạch; Chi thường xuyên 3.904 tỷ đồng, đạt 50% so với dự toán.

Các tổ chức tín dụng đã tổ chức triển khai Chương trình hỗ trợ lãi suất 2%, qua đó giúp doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tháo gỡ khó khăn, giảm áp lực tài chính, thuận lợi tiếp cận vốn vay ngân hàng để phục hồi và mở rộng sản xuất. Ước đến 30/6/2023 tổng nguồn vốn của các tổ chức tín dụng đạt 127.000 tỷ đồng, tăng 7,1% so với 31/12/2022; trong đó, vốn huy động đạt 118.000 tỷ đồng, tăng 6,8% so với 31/12/2022. Dư nợ cho vay ước đạt 90.000 tỷ đồng, tăng 3,9% so với 31/12/2022. Ước tính dư nợ xấu trên toàn địa bàn là 1.200 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,3% tổng dư nợ.

2.6. Đầu tư phát triển

Công tác huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng mạnh. Tổng vốn đầu tư phát triển ước đạt 29.489,8 tỷ đồng, tăng 51,7% so với cùng kỳ năm 2022 (trong đó vốn Nhà nước 4.054 tỷ đồng, tăng 43%; vốn ngoài nhà nước 16.808,2 tỷ đồng, tăng 41,6%; vốn FDI 8.627,6 tỷ đồng, tăng 82,3%).

Năm 2023 Kế hoạch vốn đầu tư công được Thủ tướng Chính phủ giao là 12.006,4 tỷ đồng, đến nay, tỉnh đã phân bổ chi tiết 100% kế hoạch vốn Trung ương; đang trình HĐND phân bổ 1.625.124 triệu đồng tiền sử dụng đất còn lại để hoàn thành 100% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Qua 6 tháng triển khai thực hiện, nhìn chung tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đạt được kết quả khá so với bình quân chung cả nước và so với cùng kỳ năm 2022, nhưng còn thấp so với mục tiêu của

tỉnh đề ra. Tính đến ngày 30/6/2023, toàn tỉnh giải ngân được 3.839,5 tỷ đồng, đạt 32% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 37% kế hoạch vốn đã phân bổ cho các dự án (cao hơn so với mức trung bình của cả nước 28,11%), tăng 1.392,6 tỷ đồng (tương ứng mức tăng 56,9%) so với cùng kỳ năm 2022 (6 tháng đầu năm 2022 giải ngân 2.446,9 tỷ đồng).

2.7. Quản lý các ngành, lĩnh vực: Tài nguyên và môi trường, Khoa học và công nghệ, Giao thông vận tải

a) Tài nguyên và môi trường

Hoạt động quản lý đất đai được tăng cường. Đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của 10 huyện, thị xã, thành phố. Đang trình HĐND tỉnh chấp thuận điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất và danh mục dự án sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha. Đã xử lý 9 hồ sơ xin chủ trương đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở với diện tích 19,22 ha; 11 hồ sơ xin chủ trương nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 19,66 ha; 21 hồ sơ thông báo thu hồi đất với diện tích 9,2 ha;10 hồ sơ quyết định thu hồi đất với diện tích 5,03 ha; 28 hồ sơ giao đất, cho thuê đất với diện tích 298,3 ha; Ký hợp đồng thuê đất cho 61 đơn vị, tổ chức thuê đất trên địa bàn tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với đất ở cho hộ gia đình, cá nhân được 281.886 thửa, đạt 70,64% tổng số thửa cần cấp, diện tích 7365,66 ha, đạt 69,76% tổng diện tích cần cấp; cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân được 795.246 thửa, đạt 93,22% tổng số thửa cần cấp, diện tích 48721,65 ha, đạt 92,48 % tổng diện tích cần cấp. Công tác giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, nhất là giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm, dự án phát triển các khu công nghiệp được tăng cường. Công tác đo đạc bản đồ được triển khai đồng bộ. Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản được thực hiện hiệu quả. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm. Góp ý kiến về môi trường cho 68 dự án đầu tư; lập kế hoạch lấy mẫu đối chứng, giám sát vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải cho 13 dự án, phê duyệt 53 báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp 40 giấy phép môi trường; tiếp nhận 391 báo cáo công tác bảo vệ môi trường; chấp thuận việc tiêu hủy phế phẩm, phế liệu cho 12 đơn vị; tiến hành lấy mẫu 08 lượt đơn vị có lưu lượng xả thải lớn. Vận động 40,41% số hộ gia đình tại 154/161 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh thực hiện thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm lượng rác thải hữu cơ phải vận chuyển, xử lý.

b) Khoa học và công nghệ

Hoạt động khoa học công nghệ tiếp tục phát triển đúng định hướng, có chiều sâu. Tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện đối với 50 nhiệm vụ KH&CN (đạt 100%); hỗ trợ 06 mô hình ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN; tổ chức đánh giá, nghiệm thu 06 nhiệm vụ (đạt 30%). Tiếp nhận và tổng hợp khoảng 60 phiếu đề xuất nhiệm vụ của các tổ chức, cơ quan, đơn vị phục vụ xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2024.Các hoạt động quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, sở hữu trí tuệ và sáng kiến, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo,

tiêu chuẩn đo lường chất lượng, thông tin và thống kê khoa học và công nghệ được thực hiện theo kế hoạch.

Đã khảo sát, lựa chọn và hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trong nước cho 02 đơn vị. Tham gia ý kiến về công nghệ cho 15 dự án đầu tư. Thẩm định và cấp 06 giấy phép sửdụng thiết bịX-quang chẩn đoán y tế, 05 chứng chỉnhân viên bức xạ; xuất bản 02 sốBản tin KH&CN với 2.000 cuốn (đạt 50%); cấp 08Giấy chứng nhận đăng ký kết quảKH&CN (đạt 30-50%); tổchức 14 lớp huấn cho 1.400 lượt người với nội dung ứng dụng chuyển giao tiến bộvào sản xuất. Ban hành 16 bản thông báo công bố hợp quy, 06 bản thông báo công bố hợp chuẩn; tiếp nhận 237 bản đăng ký kiểm tra chất lượng thép nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu cho 10 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định cho 3.982 phương tiện đo các loại.

c) Giao thông vận tải

Công tác phát triển hạ tầng giao thông vận tải tiếp tục được quan tâm. Đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 định hướng đến năm 2030, nhiều tuyến đường huyết mạch được triển khai đầu tư như: Dự án đường bộ nối cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (giai đoạn 2); dự án xây dựng đường bên tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; Dự án Đường trục ngang kết nối QL.39 (Km22+550) với ĐT.376, Dự án đường nối ĐH.45 xã Đồng Than với ĐT.376 xã Ngọc Long; Dự án ĐT.382B nhánh phải, Km0-Km14+420; Dự án nâng cấp cải tạo ĐT.380 đoạn Km0-Km2+800; Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.387 đoạn Km 0+080 - Km 2+843. Phối hợp chặt chẽ với thành phố Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh để triển khai các bước chuẩn bị đầu tư của dự án tuyến đường vành đai IV – Vùng thủ đô Hà Nội đảm bảo tiến độ yêu cầu. Đang khẩn trương hoàn thiện các thủ tục liên quan để triển khai Dự án đường Tân Phúc - Võng Phan (giao ĐT.378). Công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường sông được thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo an toàn, thông suốt. Hoạt động an toàn giao thông được chú trọng. Thường xuyên tăng cường công tác tổ chức kiểm tra xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm Luật Giao thông đường bộ. Kết quả tình hình TNGT 5 tháng năm 2023: Toàn tỉnh xảy ra 55 vụ TNGT, làm 42 người chết, 42 người bị thương. So với cùng kỳ 2022: Giảm 1 vụ (-1,8%), giảm 1 người chết (-2,3%), tăng 2 người bị thương (5%). Sản lượng vận tải 6 tháng đầu năm ước: Vận tải hành khách đạt 8,47 triệu lượt người vận chuyển, tăng 2,28% và 447,94 triệu lượt người.km luân chuyển, tăng 2,83%; vận tải hàng hóa ước đạt 18,35 triệu tấn vận chuyển, tăng 19,07% và 1.004,35 triệu tấn.km luân chuyển, tăng 20,51% so với cùng kỳ năm 2022.

3. Lĩnh vực Văn hóa – Xã hội

3.1. Giáo dục và đào tạo

Chất lượng giáo dục toàn diện, kỷ cương nền nếp trong các hoạt động giáo dục được duy trì, giữ vững ở mức cao.Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên được tăng cường. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đối với các cấp học mầm non 95,42%; tiểu học 79,4%; THCS 85,1%; THPT đạt 100% (tỷ lệ GV THPT có trình độ trên chuẩn đạt 32%). Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đầu

tư: Toàn tỉnh hiện có 10.099 phòng học; trong đó có 9.451 phòng học kiên cố đạt 93,5%, có 422/522 trường đạt chuẩn quốc gia (tỉ lệ 80,8%). Năm học 2022-2023 đạt 38 giải học sinh giỏi quốc gia, trong đó có 03 giải Nhì, 13 giải Ba, 22 giải Khuyến khích; có 5 học sinh đạt giải nhất Cuộc thi "Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp" cấp quốc gia; 2 học sinh đạt giải nhì Cuộc thi " Nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học năm học 2022-2023". Hoàn thành tốt Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2022-2023.

3.2. Y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác khám chữa bệnh được duy trì, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, chỉ tiêu khám, điều trị bình quân ước đạt 50% kế hoạch năm (cùng kỳ 49,86%). Số giường bệnh/1 vạn dân đạt: 30 giường, trong đó giường công lập là 28 giường, giường ngoài công lập đạt 2 giường. Số bác sỹ /1 vạn dân đạt: 9 bác sỹ. Công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em được thực hiện thường xuyên. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên ước 25% (cùng kỳ 27,5%). Tỷ lệ giới tính khi sinh (nam/nữ) 125 bé trai/100 bé gái (cùng kỳ 127,2 bé trai/100 bé gái). Cung ứng đầy đủ và kịp thời các loại vắc xin và vật tư đảm bảo an toàn, không xảy ra tai biến trong và sau tiêm chủng.Công tác tiêm phòng vắc xin Covid-19 tiếp tục được triển khai. Đến nay: Đối tượng từ 18 tuổi trở lên đã tiêm mũi 1 đạt 101,37%; đã tiêm mũi 2 đạt 104,3%; đã tiêm mũi 3 đạt 109,9%; đã tiêm mũi 4 đạt 101,9%. Đối tượng từ 12 đến dưới 18 tuổi: mũi 1, mũi 2 đều đạt 100%, mũi 3 đã tiêm đạt 57,5%. Đối tượng từ 05 đến dưới 12 tuổi, mũi 1 đạt 99,8%; mũi 2 đạt 73,3%. Đến nay tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm thực hiện đúng theo quy định. Duy trì 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

3.3. Văn hóa, thể thao và du lịch

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội, tổ chức sự kiện quan trọng được đảm bảo an toàn, tạo không khí vui tươi, phấn khởi và củng cố niềm tin, khơi dậy tự hào truyền thống quê hương, đất nước, tăng cường đoàn kết trong nhân dân. Công tác quản lý di sản văn hóa được tăng cường. Hoàn thiện 44 lý lịch hiện vật sưu tầm; hoàn thiện hồ sơ Lễ hội đền Đậu An, Lễ hội đền An Xá trình các cấp có thẩm quyền đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; các thiết chế văn hóa cấp tỉnh được đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp. Tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"; Đã tổ chức 8 giải thể thao quần chúng cấp tỉnh; tham gia thi đấu giải bóng chuyền hơi trung cao tuổi toàn quốc giành 1 HCV, 1 HCB, 1HCĐ; Hưng Yên có 3 VĐV được tham dự Seagame 32 tại Campuchia đạt 2 huy chương đồng. Đã tổ chức tập huấn, tham dự thi đấu 09 giải quốc gia và Seagame đạt tổng số 26 huy chương các loại, trong đó có 4 HCV, 8 HCB, 14 HCĐ. Hoạt động phát triển du lịch khởi sắc. Thực hiện tốt công tác quản lý cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh; Đã tổ chức khảo sát kết nối tuyến, điểm du lịch Hưng Yên - Hà Nam: Cụm di tích Phố Hiến (Đền Trần, Đền Mẫu) - Đền Lảnh Giang (Duy Tiên - Hà Nam). Dự kiến tổng lượt khách đến Hưng Yên đạt trên 400.000 lượt, tăng gần 4 lần so với cùng kỳ năm 2022.

3.4. Lao động, người có công và xã hội

Công tác lao động, giải quyết việc làm và đào tạo nghề được triển khai tích cực. Đã thực hiện rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục trong tỉnh, đưa ra khỏi mạng lưới Trường Cao đẳng nghề Dịch vụ Bảo Sơn, bổ sung vào mạng lưới Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Hà Nội (cơ sở 3); trên địa bàn tỉnh hiện có tổng số 26 cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức tốt Ngày hội tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm cấp tỉnh với sự tham gia của trên 50 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và gần 2.000 lượt học sinh, sinh viên, người lao động; tổ chức 16 phiên giao dịch việc làm. Ước tính trong 6 tháng đầu năm, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp khoảng 23.000 người (đạt 36,8% kế hoạch năm, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2022); giải quyết việc làm khoảng 14.740 lao động tăng 28,17% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 61,4% kế hoạch năm; trong đó xuất khẩu lao động cho 2.038 người. Đã cấp giấy phép lao động, xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho 527 người lao động nước ngoài làm việc tại tỉnh. Số người nhận được trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp là 5.052 người với tổng số tiền chi trả trên 76,54 tỷ đồng (chiếm 1,99% tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh).

Các chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được triển khai đầy đủ, kịp thời. Nhân dịp Tết nguyên đán Quý Mão 2023, toàn tỉnh tổ chức thăm, tặng quà 158.455 lượt người có công, gia đình liệt sỹ, người cao tuổi, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng xã hội khác với tổng kinh phí trên 92 tỷ đồng. Tiếp tục cập nhật, thống kê, chia sẻ dữ liệu về người có công, người cao tuổi, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em trên địa bàn tỉnh theo nhiệm vụ thuộc Đề án 06. Công tác trẻ em, bình đẳng giới, bảo trợ xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội được quan tâm.

Các chính sách giảm nghèo như: Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi, y tế, giáo dục, nhà ở, tiền điện…được triển khai đồng bộ, hiệu quả, kịp thời hướng tới người nghèo; Đã huy động được các nguồn lực xã hội, ban hành các chính sách đặc thù hỗ trợ người nghèo, đối tượng yếu thế qua đó giúp họ vươn lên thoát nghèo, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Tính đến hết tháng 5/2023, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh duy trì 1,93%; tỷ lệ hộ cận nghèo là 2,01%(theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025).

3.5. Thông tin truyền thông

Mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông, Internet trên toàn tỉnh phát triển mạnh. Hạ tầng kỹ thuật viễn thông, vùng phủ sóng di động, mạng điện thoại cố định, dịch vụ truy cập Internet ADSL được mở rộng, chất lượng được nâng lên. Triển khai nhiều hoạt động nhằm đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số. Đã công bố 1.713/1834 thủ tục hành chính thuộc quyền giải quyết của tỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trên cổng Dịch vụ công của tỉnh đã cung cấp 645 dịch vụ công trực tuyến một phần và 944 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 245 dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến. Đến nay 100% hồ sơ thủ tục hành chính của công dân, doanh nghiệp được thực hiện thông qua hệ thống thông tin Một cửa điện tử của tỉnh. Tỷ lệ văn bản gửi, nhận hoàn toàn điện tử trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành

trong nội bộ tỉnh đạt trên 99%. Đã cung cấp trên 2.493 chứng thư số và chữ ký số chuyên dùng của Ban cơ yếu Chính phủ (đang hoạt động) cho các cơ quan, cho cán bộ, công chứctrên địa bàn tỉnh. Các cơ quan báo chí của tỉnh thực hiện tốt tôn chỉ, mục đích, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luậtvề hoạt động báo chí. Thực hiện đúng định hướng tuyên truyền của cơ quan chỉ đạo và cơ quan quản lý nhà nước, tích cực tuyên truyền về các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

4. Về cải cách hành chính, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý tôn giáo, thi đua khen thưởng

Công tác cải cách hành chính được thực hiện quyết liệt. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 về đánh giá năng lực thực hiện các chỉ số cải cách nền hành chính tỉnh Hưng Yên, qua đó gắn vai trò, trách nhiệm của cá nhân có liên quan trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy được đẩy mạnh. Tiếp tục tham mưu thực hiện các nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XII; các nghị định của Chính phủ; các chương trình, kế hoạch của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với việc thực hiện công tác tinh giản biên chế. 6 tháng đầu năm, đã thực hiện tinh giảm: 01 phòng chuyên môn thuộc sở; 01 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và 03 đơn vị sự nghiệp công lập. Đến nay, 17/17 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã thực hiện việc sắp xếp, tổ chức bộ máy các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đảm bảo theo quy định; toàn tỉnh giảm được 17 đơn vị sự nghiệp công lập. Hoạt động quản lý biên chế, vị trí việc làm được tăng cường đã tạm giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp, lao động hợp đồng năm 2023, trong đó: 1.655 biên chế công chức; 21.318 biên chế sự nghiệp; 85 người làm việc tại các tổ chức Hội, 331 hợp đồng lao đồng theo NQ 68. Đang xem xét giải quyết chế độ tinh giản biên chế, cho thôi việc theo nguyện vọng, nghỉ hưu trước tuổi theo quy định đối với 17 người. Tiếp tục triển khai, hướng dẫn các cơ quan đơn vị xây dựng vị trí việc làm theo các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ ngành chuyên môn.

Quản lý nhà nước về tôn giáo được quan tâm chú trọng. Công tác thi đua khen thưởng thực hiện có hiệu quả, thu hút đông đảo các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh trật tự, tư pháp và thi hành án dân sự

5.1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được triển khai toàn diện. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, bảo vệ các mục tiêu an toàn, bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Đã xây dựng, luyện tập đầy đủ các kế hoạch A, A2, A3, A4, PCTT-PCCN. Thực hiện tốt công tác gọi công dân nhập ngũ. Giao đủ 2.075/2.075 thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự và công an nhân dân. Xét duyệt, bàn giao 120 hồ sơ tuyển sinh cho các

học viện, trường sĩ quan. Đã tổ chức diễn tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của tỉnh tại Khu công nghiệp Dệt may Phố nối B đảm bảo an toàn.

5.2. Triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, thực hiện có hiệu quả đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm ANTT Tết Nguyên đán Quý Mão 2023; chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch bảo đảm ANTT các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các Đoàn khách quốc tế đến thăm, chúc Tết và đi qua địa bàn tỉnh; chủ động nắm tình hình từ xa, từ sớm, từ cơ sở, tiếp nhận, giải quyết kịp thời các vụ việc ngay từ đầu và tại cơ sở, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; tập trung trấn áp mạnh mẽ các loại tội phạm, tuần tra vũ trang bảo đảm ANTT và phòng, chống tội phạm. Tăng cường các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ. Đã khởi tố, điều tra 106 vụ, 151 bị can về trật tự xã hội; 45 vụ, 74 bị can về kinh tế, chức vụ, tham nhũng; 44 vụ, 269 bị can đánh bạc; 224 vụ, 261 bị can về ma túy. Xử lý hành chính 33 trường hợp vi phạm về quản lý xuất nhập cảnh, phạt 102,5 triệu đồng; 19 trường hợp đăng tải nội dung xấu độc trên không gian mạng phạt 162,2 triệu đồng; Xử lý hành chính 256 vụ, việc vi phạm về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm phạt 1,46 tỷ đồng; 5.506 trường hợp vi phạm TTATGT, phạt 20,94 tỷ đồng; 408 trường hợp vi phạm về PCCC, phạt 4,23 tỷ đồng. Kết quả trên đã góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đóng góp tích cực, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai hiệu quả Đề án số 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, tỉnh Hưng Yên; đã hoàn thành kết nối giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và cơ sở dữ liệu của y tế, hộ tịch điện tử toàn quốc, an sinh xã hội, đất đai; hệ thống máy chủ và hạ tầng, đường truyền kết nối được bảo mật, đã tiếp nhận 96.805 hồ sơ qua cổng dịch vụ công quốc gia.

*5.3.*Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên, có nền nếp. Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế được tăng cường. Ngành tư pháp đã chủ trì tham gia ý kiến đối với 87 dự thảo văn bản của Trung ương và của tỉnh; tiến hành thẩm định đối với 16 dự thảo VBQPPL; tự kiểm tra đối với 08/08 Quyết định của UBND tỉnh; kiểm tra theo thẩm quyền đối với 08 VBQPPL của UBND cấp huyện. Rà soát thường xuyên đối với 428 VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh, phát hiện 11 VBQPPL cần đề nghị sửa đổi, bổ sung và thay thế.Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật được quan tâm. Lĩnh vực bổ trợ tư pháp được chú trọng. Công tác trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng được nâng cao, đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính trên địa bàn tỉnh năm 2023. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai rộng khắp trên địa bàn tỉnh.

5.4. Công tác thi hành án dân sự tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, 6 tháng đầu năm đã thụ lý 4.501 việc, tương ứng trên 2.164 tỷ đồng. Trong đó, số có điều kiện

thi hành 3.667 việc, tương ứng trên 943,2 tỷ đồng. Đã giải quyết 2.180 việc, tương ứng 249,8 tỷ đồng đạt tỷ lệ 59,45% về việc và 26,49% về tiền, bằng 70,77% về việc, 57,84% về tiền so với kế hoạch công tác năm 2023.

6. Công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí

6.1. Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng được thực hiện nghiêm túc. 6 tháng đầu năm đã tiến hành 168 cuộc thanh tra hành chính, 121 cuộc thanh tra chuyên ngành và kiến nghị xử lý về kinh tế số tiền 18 tỷ đồng và 30.000m^2 đất đai, ban hành 23 quyết định xử phạt hành chính với số tiền trên 1 tỷ đồng. Đã tiếp 658 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; tiếp nhận 872 đơn khiếu nại và tố cáo, kiến nghị phản ánh (khiếu nại: 45; tố cáo: 102; khác: 725); Đã xử lý 872 đơn, gồm: Đơn thuộc thẩm quyền thụ lý đã giải quyết 181 đơn; hướng dẫn, chuyển, đôn đốc: 324 đơn; không đủ điều kiện xử lý: 367 đơn (lưu đơn theo quy định). Có 27 đơn KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp, các ngành; đã giải quyết xong 15 đơn, còn 12 đơn tiếp tục được xem xét, giải quyết đúng thời hạn quy định.

6.2. Công tác phòng chống tham nhũng được duy trì. Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong các cơ quan đơn vị như: công khai, minh bạch trong hoạt động; thực hiện chế độ định mức, tiêu chuẩn; thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, kế hoạch để triển khai thực hiện quy chế điều động cán bộ, luân phiên công việc theo quy định hiện hành. 100% các cơ quan đơn vị thực hiện kê khai tài sản thu nhập năm 2022. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) được quan tâm. Đã ban hành Quyết định về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Hưng Yên năm 2023.

Đánh giá chung: Trong bối cảnh tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn thách thức ảnh hưởng đến doanh nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh xuất khẩu, thu hút đầu tư, trên cơ sở dự báo tốt về tình hình chung, ngay từ đầu năm Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, hiệu quả và kịp thời, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân dân và các doanh nghiệp trong tỉnh, 6 tháng đầu năm tình hình kinh tế-xã hội của tỉnh đã đạt được kết quả tích cực. Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức khá, ngành dịch vụ có sự hồi phục rõ rệt, ngành công nghiệp đang nỗ lực vượt qua khó khăn, nông nghiệp phát triển ổn định. Tổng thu ngân sách vượt tiến độ đề ra, đặc biệt số thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt cao nhất từ trước đến nay. Các chỉ số cải cách hành chính có sự cải thiện vượt bậc. Hoạt động quản lý tài nguyên môi trường, khoa học và công nghệ được tăng cường; hệ thống hạ tầng giao thông tiếp tục được đầu tư phát triển. Các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục và chính sách an sinh xã hội được quan tâm. Quốc phòng quân sự địa phương được đảm bảo. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, hạn chế

- Việc triển khai các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật các CCN, các dự án đầu tư công và một số dự án trọng điểm còn chậm; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp so với kế hoạch giao.

- Tình hình sản xuất công nghiệp và nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Ô nhiễm môi trường trong sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản vẫn diễn biến phức tạp. Hoạt động xuất khẩu gặp khó khăn.

- Các quy hoạch chuyên ngành chưa có sự đồng bộ, vẫn còn nhiều chồng chéo, không thống nhất giữa quy hoạch xây dựng với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông...

- Công tác lập Kế hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021-2025 còn chậm. Tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải phóng mặt bằng một số dự án còn chậm; còn tình trạng đổ rác không đúng nơi quy định gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường.

- Một số khoản thu, sắc thuế đạt thấp và khó có khả năng hoàn thành dự toán như: Khu vực Doanh nghiệp nhà nước trung ương, Thuế bảo vệ môi trường, thu từ xuất nhập khẩu. Nợ thuế tăng cao.

- Tình trạng lao động mất việc làm còn diễn ra ở một số nơi.

- Vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ bất ổn trật tự an toàn xã hội.

2. Nguyên nhân

- Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng trong khi đầu ra bị thu hẹp, đồng thời lãi suất cho vay vẫn còn ở mức cao khiến doanh nghiệp khó tiếp cận, huy động nguồn vốn. Thị trường bất động sản hồi phục chậm ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều ngành sản xuất có liên quan như ngành thép, vật liệu xây dựng, cơ khí. Suy giảm kinh tế toàn cầu, lạm phát tăng cao dẫn tới nhu cầu của các thị trường xuất khẩu lớn giảm mạnh.

- Giá vật tư đầu vào phân bón, thức ăn, thuốc còn ở mức cao gây khó khăn cho người sản xuất nông nghiệp. Ý thức của doanh nghiệp và người dân trong bảo vệ môi trường còn hạn chế.

- Một số dự án đầu tư công lớn đòi hỏi phải thực hiện các thủ tục như: Thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, dẫn tới kéo dài thời gian thực hiện. Một số nhà đầu tư hạ tầng kỹ thuật các CCN có năng lực hạn chế. Giá nguyên vật liệu xây dựng duy trì mức cao, khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng cũng đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ thi công công trình và giải ngân vốn đầu tư công. Sự phối hợp của một số cơ quan, đơn vị trong công tác giải phóng mặt bằng có nơi còn chưa kịp thời, quyết liệt.

- Luật đất đai qua các thời kỳ có nhiều thay đổi, dẫn đến nhiều nội dung còn chưa được quy định cụ thể hoặc đôi khi còn chồng chéo. Nhận thức về luật đất đai

của người dân còn chưa cao. Hồ sơ đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người sử dụng đất không đầy đủ.

- Số thu từ một số doanh nghiệp nhà nước trung ương trọng điểm trên địa bàn giảm mạnh như: Viettel Hưng Yên, Công Ty Điện Lực Hưng Yên, Chi nhánh xăng dầu Hưng Yên. Tác động của chính sách giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu theo Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 và Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15. Tiền thuế nợ của Chi nhánh Hưng Yên – Công ty Cổ phần Vinhomes tăng dẫn tới nợ thuế tăng cao.

- Do doanh nghiệp gặp khó khăn nên phải cắt giảm quy mô sản xuất và số lượng lao động.

Phần thứ hai
MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế còn tồn tại; trên cơ sở những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, cần tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương, nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Kết luận số 638-KL/TU ngày 5/12/2022 của Tỉnh ủy; Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, đồng thời tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư– kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo Kết luận số 223/KL-TU ngày 24/6/2021 của Tỉnh ủy. Huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, đặc biệt là hạ tầng giao thông, KCN và CCN, hạ tầng thương mại, dịch vụ, đô thị, nhà ở xã hội. Đẩy nhanh tiến độ các dự án khu đô thị lớn, KCN, CCN và các dự án đầu tư lớn theo quy hoạch hoặc đã có chủ trương đầu tư. Xây dựng Đề án tiếp nhận dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp. Tập trung thu hút những nhà đầu tư lớn, ứng dụng công nghệ cao, an toàn môi trường. Đồng thời quan tâm thu hút các nhà đầu tư vừa và nhỏ phù hợp với từng lĩnh vực, từng địa bàn. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư đối với các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao. Tăng cường công tác hậu kiểm, kiên quyết thu hồi các dự án "treo", các dự án chậm triển khai, thực hiện không đúng tiến độ cam kết; tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp; kịp thời giải quyết những khó khăn về thủ tục hành chính và các vướng mắc phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

Đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế. Tích cực chuẩn bị các điều kiện để tổ chức tốt, phát huy hiệu quả thiết thực các hoạt động xúc tiến thương mại trọng tâm.; kịp thời hỗ trợ, cung cấp thông tin thị trường giúp doanh nghiệp đa dạng hóa nguồn cung, đối tác, nhà cung cấp nguyên, nhiên, phụ liệu, linh kiện đầu vào đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh

doanh; nâng cao năng lực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, ứng dụng thương mại điện tử trong tiếp cận thị trường.

2. Xây dựng và triển khai một số đề án, dự án, cơ chế chính sách mới cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, như: Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn đến năm 2025, định hướng 2023; Đề án phát triển chăn nuôi tập trung xa khu dân cư và quy hoạch khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2030, định hướng đến năm 2035; Đề án giải pháp công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nhằm giảm thiểu, cải thiện môi trường nước hệ thống Bắc Hưng Hải trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045…; Tiếp tục chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường. Tăng cường ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp, doanh nhân, các chủ trang trại tham gia liên kết, thuê ruộng để sản xuất quy mô lớn, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản; quản lý và sử dụng đất đai có hiệu quả. Năm 2023 phấn đấu đạt 238 triệu đồng trên 1 ha canh tác. Thực hiện tốt công tác phòng, chống lụt bão và quản lý đê điều, đảm bảo an toàn hệ thống đê, kè, cống và các công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhất là xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Tập trung phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trung ương để sớm hoàn thành phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời chủ động cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh thông qua xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, huy động nguồn lực phát triển, rà soát cập nhật điều chỉnh các quy hoạch ngành, địa phương có liên quan phù hợp với Quy hoạch tỉnh. Tiếp tục rà soát sự phù hợp của quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành với quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu xây dựng quy định thí điểm phân cấp thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các khu chức năng. Nâng cao tỷ lệ đô thị hóa và chất lượng đô thị. Tăng cường quản lý quy hoạch xây dựng, nhà ở và thị trường bất động sản.

4. Tập trung khai thác tốt các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước. Chủ động đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động làm tăng, giảm nguồn thu theo từng địa bàn, từng lĩnh vực thu, tổng hợp kịp thời kết quả thu và dự báo thu hàng tháng, quý sát với thực tế. Khai thác nguồn thu còn tiềm năng trong lĩnh vực thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, lĩnh vực khai thác tài nguyên, khoáng sản... Quyết liệt trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, kiên quyết thực hiện việc cưỡng chế đối với các khoản nợ thuế dây dưa, chây ỳ. Đẩy mạnh công tác kiểm tra thuế tại địa bàn, nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra thuế tại doanh nghiệp. Thường xuyên theo dõi cân đối ngân sách để nắm bắt kịp thời diễn biến của quỹ ngân sách, đảm bảo kinh phí phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đặc biệt là các chính sách an sinh xã hội, phòng chống thiên tai, dịch bệnh…Tổ chức điều hành chi ngân sách nhà nước theo nguyên tắc chặt chẽ, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên. Chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách các cấp để xử lý các nhiệm vụ cấp bách phát sinh.

Thực hiện tốt công tác huy động vốn với các mức lãi suất linh hoạt; Đẩy mạnh và tăng cường công tác xử lý nợ xấu gắn với cơ cấu lại TCTD. Tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ lãi suất 2%. Tăng cường chất lượng công tác thanh tra, giám sát của NHNN và kiểm tra, kiểm soát nội bộ của các đơn vị, đảm bảo hoạt động của toàn hệ thống an toàn, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số ngành Ngân hàng và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

5. Tiếp tục chỉ đạo quán triệt và thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công theo Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 44-CT/TU ngày 15/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Công văn số 1046/UBND-TH ngày 27/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Xác định công tác chuẩn bị đầu tư là nhiệm vụ quan trọng, điều kiện căn bản quyết định tính khả thi, hiệu quả của dự án, các sở, ngành, địa phương cần nâng cao trách nhiệm, tích cực, nỗ lực, phối hợp chặt chẽ để hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án bảo đảm chất lượng và tiến độ. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai dự án; xử lý nhanh các thủ tục hành chính về đầu tư, đất đai, xây dựng, quy hoạch, nhất là chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án, xác định giá trị tài sản trên đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, phê duyệt hệ số K, bố trí quỹ đất tái định cư, xác định giá đất cụ thể... Thực hiện phương châm có mặt bằng sạch đến đâu bàn giao ngay cho nhà thầu đến đó để hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh trong thực hiện kế hoạch đầu tư công. Thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trì trệ, gây nhũng nhiễu, phiền hà, kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công.

6. Khẩn trương phê duyệt: Kế hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021 – 2025; điều chỉnh, bổ sung KHSDĐ năm 2023 cấp huyện; Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của các huyện, thị xã, thành phố; danh mục dự án cần thu hồi đất và danh mục dự án sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha điều chỉnh, bổ sung năm 2023; danh mục dự án cần thu hồi đất và danh mục dự án sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha năm 2024. Chủ động kiến nghị, đề xuất sửa đổi các quy định của pháp luật về đất đai còn chồng chéo, thiếu đồng bộ với các pháp luật khác có liên quan trong công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Đẩy mạnh thực hiện quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các dự án đầu tư theo Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 8/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; chủ động các biện phát tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong giải phóng mặt bằng nhất là đối với các công trình dự án trọng điểm trên địa bàn. Phấn đấu hoàn thành giải phóng mặt bằng các dự án KCN đầu tư mới, dự án KCN mở rộng đã được quyết định chủ trương đầu tư trước ngày 31/12/2022; hoàn thành mục tiêu giải phóng mặt bằng khoảng 500ha đất của các đự án CCN đã được thành lập.

Xây dựng Hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Nghiêm túc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở phát sinh chất thải lớn, các cơ sở là điểm

nóng về ô nhiễm môi trường; phối hợp kiểm soát, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước sông Bắc Hưng Hải và cải thiện môi trường các kênh, mương, ao hồ trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, phấn đấu 100% KCN, CCN đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn. Thu hút đầu tư các dự án xử lý nước htair theo quy hoạch. Phát triển hệ thống khai thác, xử lý phân phối cung cấp nước sạch tập trung từ nguồn nước mặt, giảm và tiến tới chấm dứt khai thác nước ngầm.

7. Thực hiện công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng theo quy định. Triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới. Đẩy mạnh xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục triển khai Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021- 2025, phấn đấu nâng tỷ lệ phòng học kiên cố các cấp. Tăng cường công tác chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong toàn ngành giáo dục. Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức dạy học đảm bảo an toàn, phòng chống dịch bệnh, tai tệ nạn,... trong và ngoài trường học; tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục trong tình hình mới.

8. Khẩn trương xây dựng và ban hành một số cơ chế, chính sách có liên quan đến khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đưa khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo từng bước trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, góp phần phát triển kinh tế nhanh, bền vững, ổn định xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Tổ chức thực hiện hiệu quả các kế hoạch, chương trình đã ban hành, cụ thể như: Kế hoạch khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên năm 2023; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh. Triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống; xây dựng các mô hình điểm cho hiệu quả kinh tế cao nhằm tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới người dân. Triển khai tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023 theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ đảm bảo chất lượng, nội dung và thời gian quy định.

9. Tăng cường các hoạt động y tế dự phòng, chủ động giám sát dịch tễ, phát huy hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, đặc biệt dịch bệnh Covid-19, thích ứng linh hoạt trong tình hình mới. Tiếp tục đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh; các bệnh viện thực hiện nghiêm túc các quy chế bệnh viện; không để xảy ra tai biến trong công tác điều trị. Tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm thuốc bổ sung, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời và đúng quy định.

10. Khẩn trương xây dựng kế hoạch hành động đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chủ động tổ

chức các lớp huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động; tập huấn, tuyên truyền phổ biến chính sách về lao động, tiền lương, BHXH, xuất khẩu lao động và an toàn lao động. Triển khai các hoạt động nhân Kỷ niệm 76 năm Ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2023); tổ chức điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung cho gần 3 nghìn người có công và thân nhân người có công. Tích cực phối hợp với các địa phương triển khai tiếp nhận và giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực người có công bằng hình thức trực tuyến. Kiểm tra, giám sát công tác bảo trợ xã hội; thu thập thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có đối tượng bảo trợ xã hội, hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình. Tích cực rà soát, thống kê đối tượng hưởng chính sách ưu đãi người có công phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu người có công với cách mạng. Thực hiện đồng bộ công tác bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới và phòng chống tệ nạn xã hội. Xác định rõ các nhóm nguyên nhân dẫn đến nghèo để xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân; phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện của từng ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ hộ nghèo. Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,5%.

11. Triển khai thực hiện hiệu quả các đề án, kế hoạch về quản lý các lĩnh vực văn hóa, thể thao và gia đình đã ban hành. Tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động chiếu phim, biểu diễn nghệ thuật, trưng bày sách , báo, tài liệu, cổ vật, hiện vật; duy trì và phát huy các giá trị di sản văn hóa....Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"; tập trung đào tạo, huấn luyện cho các VĐV để chuẩn bị tham gia các giải thể thao quốc gia. Tiếp tục triển khai các chương trình kích cầu du lịch; tổ chức một số hoạt động hưởng ứng Năm Du lịch quốc gia; tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch trong và ngoài tỉnh. Thực hiện hiệu quả kế hoạch công tác của Ban chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên năm 2023.

12. Đẩy mạnh cải cách hành chính nhất là trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng theo chỉ thị số 28-CT/TU ngày 10/8/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy; phấn đấu giảm chi phí trung gian, chi phí giao dịch và chi phí phi chính thức cho doanh nghiệp. Triển khai: Đề án Đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện (DDCI) tỉnh Hưng Yên; Chương trình, Kế hoạch tiếp tục triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Đề án tinh giản biên chế gắn với sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và cơ cấu lại đội ngũ theo vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2026; Đề án sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, giai đoạn 2023-2026. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, chủ động sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (khi có văn bản của Trung ương). Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức. Phấn đấu đến năm 2026 giảm tối thiểu 5% biên chế công chức và 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển kinh tế số, xã hội số gắn với đảm bảo an toàn

thông tin, an ninh mạng. Xây dựng và thúc đẩy ứng dụng CNTT gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh. Khai thác sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung. Đẩy mạnh triển khai đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3,4; hoàn thiện đồng bộ cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; tăng cường hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóavăn bản quy phạm pháp luật kịp thời phát hiện, xử lý những quy định mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp ở địa phương.

13. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện nghiêm nề nếp, chế độ sẵn sàng chiến đấu, tập luyện thành thục các phương án, kế hoạch tác chiến, kế hoạch phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ. Làm tốt công tác chuẩn bị, tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh huyện: Kim Động, Ân Thi, thị xã Mỹ Hào và diễn tập bảo đảm quốc phòng an ninh cho Sở Tài nguyên và môi trường; Sở Lao động Thương binh và xã hội; Sở Nội vụ. Tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, phường, thị trấn, diễn tập quốc phòng an ninh cho phòng, ngành của huyện. Tổ chức diễn tập chỉ huy cơ quan 1 bên 1 cấp trên bản đồ cho 10 huyện, thị xã, thành phố. Trung đoàn 126 và Bộ CHQS tỉnh tham gia diễn tập chỉ huy – tham mưu 1 bên, 2 cấp trên bản đồ cùng quân khu và diễn tập tác chiến phòng thủ quân khu trên chiến trường miền Bắc. Thực hiện tốt các khâu, các bước trong công tác tuyển, chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2024. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Giải quyết hiệu quả những vấn đề mới, phức tạp liên quan đến ANTT, nhất là tình hình an ninh nông thôn, quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, khoáng sản. Chủ động nắm tình hình nhân dân và việc thực hiện chính sách đền bù giải phóng mặt bằng để xử lý các vướng mắc có thể nảy sinh khiếu kiện kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh. Kịp thời phát hiện, ngăn chăn mọi âm mưu hoạt động chống phá. Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm theo chuyên đề, hệ loại đối tượng. Tăng cường các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Giám sát chặt chẽ công tác quản lý cư trú; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT; phòng, chống cháy nổ. Tiếp tục thực hiện quyết liệt Đề án số 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia gia đoạn 2021-2025.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, đối thoại gắn với giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh ở cơ sở. Kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài. Nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng thông qua công tác thanh tra, giải

quyết khiếu nại, tố cáo; các cơ quan thanh tra, công an, kiểm sát, tòa án chủ động phối hợp trong công tác PCTN và cung cấp thông tin về PCTN trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ.

Tăng cường công tác học tập, quán triệt, tuyên truyền phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm túc có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở; Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; báo cáo kịp thời các trường hợp vi phạm quy định của cơ quan về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện tốt công tác công khai minh bạch trên các lĩnh vực: Phân bổ và sử dụng ngân sách, mua sắm và sử dụng tài sản công; các nguồn vốn huy động của nhân dân; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Nhiệm vụ còn lại 6 tháng cuối năm 2023 rất nặng nề, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh tập trung nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn, hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

UBND tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, TH[H].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 03/07/2023 15:03:18

Nguyễn Lê Huy

PHỤ LỤC
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên
6 tháng đầu năm 2023

(Gửi kèm theo Báo cáo số 98 /BC-UBND ngày 03/ 7 /2023 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Năm 2023		Thực hiện 6 tháng năm 2023 so sánh với	
				Kế hoạch cả năm	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Kế hoạch cả năm 2023
1	2	3	4	5	6	7	8
A	**KINH TẾ**						
I	**TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)**						
1	**Theo giá hiện hành**						
1.1	Quy mô GRDP	Tỷ đồng	61.865	-	67.115	108,49	-
1.2	Cơ cấu GRDP	%	100	100	100	-	-
1.2.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	8,16	7	7,81	-	-
1.2.2	Công nghiệp và xây dựng	"	65,51	65	64,47	-	-
1.2.3	Thương mại và Dịch vụ	"	20,26	28	21,58	-	-
1.2.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	"	6,08		6,14	-	-
2	**Tốc độ tăng GRDP theo giá so sánh**						
a)	*Theo khu vực kinh tế*	%	8,13	-	8,21	-	-
2.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	2,36	-	2,28	-	-
2.2	Công nghiệp và xây dựng	"	10,56	-	7,43	-	-
	Trong đó: Công nghiệp	"	9,56	-	6,91	-	-
2.3	Dịch vụ	"	6,54	-	12,67	-	-
2.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	"	1,64	-	8,56	-	-
3	**Tốc độ tăng Giá trị sản xuất theo giá so sánh**	%	9,71		6,99	-	-
3.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	2,32	2,2	2,26	-	-
3.2	Công nghiệp và xây dựng	"	10,53	10,5	6,92	-	-
	Trong đó: Công nghiệp	"	9,99	-	6,48	-	-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Năm 2023		Thực hiện 6 tháng năm 2023 so sánh với	
				Kế hoạch cả năm	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Kế hoạch cả năm 2023
1	2	3	4	5	6	7	8
	Xây dựng		18,98	20	13,24	-	-
3.3	Dịch vụ	"	6,09	9	10,42	-	-
III	**NGÂN SÁCH**						
1	**Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn**	**Tỷ đồng**	26.336	22.921	15.223	57,8	66,42
	Trong đó: Thu nội địa	Tỷ đồng	23.997	18.221	13.557	56,5	74,40
	Thu xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	2.339	4.700	1.666	71,2	35,45
2	**Chi cân đối ngân sách địa phương**	**Tỷ đồng**	5.728	19.814	7128,70	124,5	35,98
	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	3.281	7807,9	3.289	100	42,13
	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	2.447	12006,4	3.840	157	31,98
	Tỷ lệ chi đầu tư phát triển của NSĐP trong chi cân đối NSĐP	%	42,7	60,6	53,9	-	-
IV	**ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG**						
1	**Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh**	**Tỷ đồng**	19.437	63.500	29.490	151,72	46,44
2	**Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh so với GRDP**	**%**	31,42	-	43,94	-	-
3	**Đầu tư nước ngoài**						
3.1	Số dự án đầu tư nước ngoài	Dự án	3	-	20	666,67	-
3.2	Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký	Triệu USD	216,96	-	358,06	165,04	-
3.2.1	Cấp mới	"	37,90	-	255,79	674,91	-
3.2.2	Điều chỉnh	"	179	-	100,73	56,27	-
3.2.3	Góp vốn, mua cổ phần	"	0,06	-	1,54	2.566,67	-
4	**Xây dựng**			-			
4.1	Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành	Nghìn m^2	651.573	1.464.260	673.241	103,33	45,98
4.2	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	M^2	27,98	28,90	28,75	-	-
V	**DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ**						
1	**Doanh nghiệp**						
1.1	Doanh nghiệp thành lập mới						
1.1.1	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	737	-	815	110,58	-
1.1.2	Tổng số vốn đăng ký	Tỷ đồng	10.205	-	17.389	170,39	-
1.1.3	Tổng số lao động đăng ký	Người	4.386	-	5.554	126,63	-
1.2	Số doanh nghiệp giải thể	Doanh nghiệp	121	-	164	135,54	-
2	**Hợp tác xã**						

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Năm 2023		Thực hiện 6 tháng năm 2023 so sánh với	
				Kế hoạch cả năm	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Kế hoạch cả năm 2023
1	2	3	4	5	6	7	8
2.1	Số hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh	Hợp tác xã	460	-	483	105,00	-
2.2	Số lao động trong hợp tác xã đang hoạt động sản xuất kinh doanh	Người	71.895	-	73.425	102,13	-
2.3	Số hợp tác xã thành lập mới	Hợp tác xã	9	-	10	111,11	-
2.4	Số hợp tác xã hoàn tất thủ tục giải thể	"	2	-	0	-	-
2.5	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp	1	-	1	100,00	-
2.6	Tổng số tổ hợp tác	Tổ	460	-	510	110,87	-
VI	**NÔNG NGHIỆP**						
1	**Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt**	**Ha**	29.445	52.940	27.597	93,7	52,13
2	**Sản lượng cây lương thực có hạt**	**Tấn**	197.381	-	184.555	93,5	-
	Trong đó: Lúa	"	183.116	313.930	171.261	93,5	54,55
3	**Sản lượng một số cây lâu năm**			-			
	Chuối	Tấn	50.206	-	51.216	102,01	-
	Cam	"	22.077	-	21.342	96,67	-
	Ổi	"	10.723	-	11.720	109,30	-
	Nhãn	"		-			
	Vải	"		-			
4	**Số lượng gia súc gia cầm**			-			
	Trâu	Con	4.175	4.300	4.355	104,3	101,28
	Bò	"	32.415	33.500	30.861	95,2	92,12
	Lợn	"	481.833	499.000	507.893	105,4	101,78
	Gia cầm	Nghìn con	9.251	9.620	9.365	101,2	97,35
5	**Sản lượng chăn nuôi**			-			
	Trâu	Tấn	218	-	228	104,6	-
	Bò	"	2.205	-	2.299	104,3	-
	Lợn	"	52.657	97.923	56.348	107,0	57,54
	Gia cầm	"	21.007	42.495	22.061	105,0	51,91
6	**Thủy sản**			-			
	Diện tích nuôi trồng	**Ha**	4.985	-	4.813	96,5	-
	Sản lượng	**Tấn**	26.361	-	27.266	103,4	-
	Nuôi trồng	"	26.064	4.716	26.980	103,5	572,10
	Khai thác	"	297	-	285	96,1	-
VII	**CÔNG NGHIỆP**						-
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	109,76	109,50	106,16	-	-
2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	ĐVT					-
	Thức ăn cho gia súc	1000 Tấn	484	-	479	98,9	-
	Thức ăn cho gia cầm	1000 Tấn	148	-	160	108,3	-
	Rượu Vodka và rượu Cô nhắc	1000 lít	4.364	-	4.513	103,4	-
	Quần áo các loại	1000 cái	163.142	-	177.360	108,7	-
	Giày, dép khác chưa được phân vào đâu	1000 đôi	4.362	-	4.825	110,6	-
	Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhăn)	1000 chiếc	170.521	-	199.815	117,2	-
	Bao bì bằng plastic	Tấn	87.270	-	99.804	114,4	-
	Sản phẩm bằng plastic các loại	Tấn	178.285	-	195.231	109,5	-
VIII	**THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**						
1	**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ**	**Tỷ đồng**	20.888	52.000	41.515	198,75	79,84
2	**Kim ngạch xuất khẩu**	**Triệu USD**	3.476	7.000	2.890	83,15	41,29
3	**Kim ngạch nhập khẩu**	**Triệu USD**	2.973	-	2.481	83,44	-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Năm 2023		Thực hiện 6 tháng năm 2023 so sánh với	
				Kế hoạch cả năm	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Kế hoạch cả năm 2023
1	2	3	4	5	6	7	8
B	**XÃ HỘI**						
1	**DÂN SỐ, LAO ĐỘNG**						
1	**Dân số**						
1	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	127,2	118,4	125	-	-
2	**Lao động**		670.517	669.728	667.515	99,55	99,67
2.1	Số lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh	Người	668.912	652.216	647.221	96,76	99,23
2.1.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	142.527	45.656	45.306	31,79	99,23
2.1.2	Công nghiệp và xây dựng	"	311.719	423.940	420.694	134,96	99,23
2.1.3	Dịch vụ	"	214.666	182.620	181.221	84,42	99,23
2.2	Cơ cấu lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh	%	100	100	100	-	-
2.2.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	21,3	7	7,2	-	-
2.2.2	Công nghiệp và xây dựng	"	46,6	65	65,3	-	-
2.2.3	Dịch vụ	"	32,1	28	28,5	-	-
2.3	Số người lao động có việc làm tăng thêm	Người	11.500	24.000	14.740	128,17	61,42
2.5	Tỷ lệ thất nghiệp	%	2,4	2,25	2,4	-	-
2.5.1	Thành thị	"	2,6	2,3	2,4	-	-
2.5.2	Nông thôn	"	2,4	1,8	1,9	-	-
2.6	Tỷ lệ thiếu việc làm	%	3,9	1,90	1,92	-	-
2.6.1	Thành thị	"	6,35	1,21	1,25	-	-
2.6.2	Nông thôn	"	3,6	2,15	2,3	-	-
2.7	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	39	46,3	40	-	-
2.8	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	35	39	37	-	-
II	**GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**						
1	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi đi nhà trẻ	%	41,4	42,0	40,6	-	-
2	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đi học mẫu giáo	%	99,5	100	99	-	-
3	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	%	100	100	100	-	-
3.1	Tiểu học	"	100	100	100	-	-
3.2	Trung học cơ sở	"	100	100	100	-	-
3.3	Trung học phổ thông	"	88	90	90	-	-
4	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia	%				-	-
4.1	Mầm non	"	56,8	75,9	68,1	-	-
4.2	Tiểu học	"	97,1	98,4	95,1	-	-
4.3	Trung học cơ sở	"	80,4	94,6	89,0	-	-
4.4	Trung học phổ thông	"	64,1	77,5	68,6	-	-
5	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%				-	-
5.1	Mầm non	"	89,73	90,3	92,6	-	-
5.2	Tiểu học	"	96,47	97,8	97,3	-	-
5.3	Trung học cơ sở	"	96,68	99,6	98,7	-	-
5.4	Trung học phổ thông	"	96,47	99,0	96,7	-	-
6	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Học sinh	37,7	37,7	37,7	-	-
6.1	Tiểu học	"	36,6	36,8	36,8	-	-
6.2	Trung học cơ sở	"	38,7	39,3	39,3	-	-
6.3	Trung học phổ thông	"	40,4	42,3	42,3	-	-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Năm 2023		Thực hiện 6 tháng năm 2023 so sánh với	
				Kế hoạch cả năm	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Kế hoạch cả năm 2023
1	2	3	4	5	6	7	8
7	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Học sinh	23,4	21,5	24,4	-	-
7.1	Tiểu học	"	28,1	23,0	28,6	-	-
7.2	Trung học cơ sở	"	20,1	20,2	21,2	-	-
7.3	Trung học phổ thông	"	18,6	20,0	20,4	-	-
III	**Y TẾ**						
1	Số dược sĩ đại học trên 10.000 dân	Dược sĩ	2,5	2,6	2,5	100	96,2
2	Số điều dưỡng viên trên 10.000 dân	Điều dưỡng	12,5	15	12,5	100	83,3
3	Số bác sỹ trên 10.000 dân	Bác sĩ	9	9,3	9	100	96,8
4	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	30	31	30	100	96,8
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%					
5.1	Cân nặng theo tuổi	"	10	9,8	9,8	-	-
5.2	Chiều cao theo tuổi	"	21	20,6	21	-	-
6	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100	100	100	-	-
7	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	%	91,5	93	93	-	-
8	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	85	90	87	-	-
9	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ làm việc	%	84,5	90,2	81,5	-	-
IV	**MỨC SỐNG DÂN CƯ**						
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	84	88	87	-	-
2	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	94,6	97,3	94,6	-	-
3	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	-	-
4	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%	100	100	100	-	-
5.1	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	59,71	81,23	70,50	-	-
5.2	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%	13,67	20,86	17,27	-	-
6	Số huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Huyện	100	100	100	100	100
7	*Tỷ lệ huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới*	%	100	100	100	-	-
8	Số huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao	Huyện	0	0	0	-	-
C	**MÔI TRƯỜNG, ĐÔ THỊ**						
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	100	100	100	-	-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Năm 2023		Thực hiện 6 tháng năm 2023 so sánh với	
				Kế hoạch cả năm	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Kế hoạch cả năm 2023
1	2	3	4	5	6	7	8
2	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	%	87	90	87	-	-
3	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	85,7	100	85,7	-	-
4	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Hiện nay các CCN đang trong quá trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chưa có CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.				
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	42,14	44,2	43,4	-	-
D	**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**						
1	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Điểm	Cả năm 2022: 67,91	70,41	-	-	-
	Xếp hạng		Cả năm 2022: 14	12	-	-	-
2	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	Điểm	Cả năm 2022: 44,183	46	-	-	-
	Xếp hạng		Cả năm 2022: 11	10	-	-	-
3	Chỉ số cải cách hành chính (Par index)	%	Cả năm 2022: 86,84	88	-	-	-
	Xếp hạng		Cả năm 2022: 12	10	-	-	-
4	Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS)	%	Cả năm 2022: 84,9	86	-	-	-
	Xếp hạng		Cả năm 2022: 6	5	-	-	-

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày tháng 6 năm 2023*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 303/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Sau khi xem xét Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2023; báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản tán thành nội dung đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh và các cơ quan hữu quan; đồng thời nhấn mạnh một số nội dung sau đây:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023

6 tháng đầu năm, trong bối cảnh còn rất nhiều khó khăn, thách thức do lạm phát tăng cao, lãi vay, tỷ giá ngoại tệ vẫn duy trì ở mức cao; chi phí nguyên vật liệu đầu vào leo thang, đơn hàng bị cắt giảm ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sản xuất; thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; cùng với sự nỗ lực phấn đấu cao của toàn thể nhân dân và doanh nghiệp trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023 đạt kết quả khá tích cực.

Các chỉ tiêu cơ bản đạt: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh tăng 8,21%. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,16%. Giá trị sản xuất các ngành: Xây dựng tăng 13,24%; thương mại và dịch vụ tăng 10,42%; nông nghiệp và thủy sản tăng 2,26%. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng 51,7% so với cùng kỳ. Thu ngân sách đến ngày 29/6/2023 đạt 15.223,4 tỷ đồng, giảm 42,2% so với cùng kỳ, đạt 66,4% dự toán giao, trong đó: Thu nội địa 13.557,2 tỷ đồng, giảm 43,5% so

với cùng kỳ, đạt 74,4% dự toán giao; Nếu trừ thu tiền sử dụng đất, thu đạt 10.651,8 tỷ đồng đạt 114,9% dự toán giao; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 1.666,2 tỷ đồng, giảm 28,8% so với cùng kỳ, đạt 35,5% dự toán. Chi ngân sách đến ngày 30/6/2023 đạt 7.128,7 tỷ đồng, đạt 36% kế hoạch. Trong đó: Chi đầu tư phát triển 3.839,5 tỷ đồng, đạt 32% kế hoạch; Chi thường xuyên 3.289,2 tỷ đồng, đạt 42,1% so với dự toán. Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia 80,8%. Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%; có 9 bác sỹ và 30 giường bệnh/1 vạn dân, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%. Tạo việc làm mới cho 14.740 lao động tăng 28,17%, đạt 61,4% kế hoạch năm; tuyển sinh, đào tạo 23.000 người, tăng 4,5%, đạt 36,8% kế hoạch năm. Có thêm 10 khu dân cư kiểu mẫu, 15 xã nông thôn mới nâng cao, 05 xã nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý ước đạt 100%; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý ước đạt 100%; Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường ước đạt 85,7%; Tỷ lệ đô thị hóa ước đạt 43,4%.

Sản xuất công nghiệp, xây dựng: Đã giải phóng mặt bằng được 273 ha đất KCN và 83,2ha đất CCN. Đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp được khoảng 103 ha, đạt 79,2% kế hoạch năm 2023.Thực hiện rà soát, điều chỉnh quyết định thành lập đối với 07 CCN. Đã hoàn thành công tác lập quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đang trình Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh. Tổ chức công bố và triển khai thực hiện Quy hoạch chung đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đến năm 2040. Đã phê duyệt quy hoạch chung thị xã Mỹ Hào. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 43,4%. Công tác quản lý kinh tế- vật liệu xây dựng, chất lượng công trình, quản lý hạ tầng đô thị và quản lý nhà, thị trường bất động sản được đẩy mạnh.

Thương mại, dịch vụ: Đã thực hiện tốt các nhiệm vụ cân đối cung cầu, bình ổn thị trường. Hoạt động xuất nhập khẩu và thương mại quốc tế được đẩy mạnh. 6 tháng đầu năm: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước đạt 52.136,6 tỷ đồng, vượt mục tiêu kế hoạch cả năm, tăng 163,56%; Kim ngạch xuất khẩu 2.890 triệu USD, đạt 41,3% kế hoạch, giảm 16,8% so với cùng kì; Kim ngạch nhập khẩu 2.480,6 triệu USD, giảm 16,56%.

Sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới: 250 ha cây trồng kém hiệu quả. Tổ chức xây dựng được 63 mô hình sản xuất lúa tập trung với tổng diện tích thực hiện 930ha. Các loại cây ăn quả phát triển tốt. Tình hình chăn nuôi và thủy sản khá ổn định, không có dịch bệnh xảy ra. Tổ chức triển khai tốt Chương trình xây dựng nông thôn mới, đến nay có 103 khu dân cư kiểu mẫu, 98 xã nông thôn mới nâng cao và 24 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Số vốn thu hút đầu tư mới và điều chỉnh tăng thêm đạt 10.716,7 tỷ đồng và 356,52 triệu USD. Trong đó: Có 46 dự án đầu tư mới với tổng vốn đăng ký đạt 9.551,4 tỷ đồng và 255,79 triệu USD. Có 815 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký mới đạt 17.388,7 tỷ đồng, tăng 1,7 lần so với cùng kỳ năm trước.

Đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của 10 huyện, thị xã, thành phố. Đang trình HĐND tỉnh chấp thuận điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất và danh mục dự án sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha. Hoạt động cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân được thực hiện hiệu quả. Công tác giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, nhất là giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm, dự án phát triển các khu công nghiệp được tăng cường. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm. Hoạt động khoa học công nghệ tiếp tục phát triển, đóng góp tích cực vào sản xuất và đời sống. Các dự án giao thông trọng điểm đang được triển khai tích cực. Hoạt động vận tải phát triển khá. Công tác đảm bảo an toàn giao thông được chú trọng. Chất lượng giáo dục giữ vững ở mức cao, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 93,5%, có 422/522 trường đạt chuẩn quốc gia (tỉ lệ 80,8%). Hoàn thành tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2022-2023. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên. Cung ứng đầy đủ và kịp thời các loại vắc xin và vật tư đảm bảo an toàn phục vụ tiêm chủng. Công tác tiêm phòng vắc xin Covid-19 tiếp tục được triển khai.Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm thực hiện đúng theo quy định. Duy trì 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Các hoạt động quản lý văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội được quan tâm. Hoạt động quản lý di sản văn hóa được tăng cường.Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; hoạt động thể dục thể thao quần chúng được thúc đẩy. Thể thao thành tích cao được quan tâm. Tổng lượt khách đến Hưng Yên tăng gần 4 lần so với cùng kỳ năm 2022. Các hoạt động quan tâm người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được triển khai chu đáo. Công tác trẻ em, bình đẳng giới, bảo trợ xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội được quan tâm. Hạ tầng kỹ thuật viễn thông được cải thiện chất lượng. Các hoạt động cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy được triển khai hiệu quả. Hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, tiếp dân, phòng chống tham nhũng, tư pháp và thi hành án dân sự được quan tâm. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện. Công tác bảo vệ an ninh trật tự an toàn xã hội được tăng cường.

Những hạn chế, bất cập cần tập trung khắc phục

Tình hình sản xuất công nghiệp và nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Ô nhiễm môi trường trong sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản vẫn diễn biến phức tạp. Hoạt động xuất khẩu gặp khó khăn. Việc triển khai các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật các CCN, các dự án đầu tư công và một số dự án trọng điểm còn chậm, giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp so với kế hoạch giao. Các quy hoạch chuyên ngành chưa có sự đồng bộ, vẫn còn nhiều chồng chéo, không thống nhất giữa quy hoạch xây dựng với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông... Công tác lập Kế hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021-2025 còn chậm. Tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải phóng mặt bằng một số dự án còn chậm; còn tình trạng đổ rác không đúng nơi quy định gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường. Một số khoản thu, sắc thuế đạt thấp và khó có khả năng hoàn thành dự toán như: Khu vực Doanh nghiệp nhà nước trung ương, Thuế bảo vệ môi trường, thu từ xuất nhập khẩu. Nợ thuế tăng cao. Tình trạng lao động mất việc làm còn diễn ra ở một số nơi. Vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ bất ổn trật tự an toàn xã hội.

II. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2023

1. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 đã đề ra. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư– kinh doanh; đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đặc biệt là hạ tầng giao thông, KCN và CCN. Xây dựng Đề án tiếp nhận dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp. Tăng cường công tác hậu kiểm,kiên quyết thu hồi các dự án "treo", các dự án chậm triển khai, thực hiện không đúng tiến độ cam kết; tăng cường hỗ trợ, sát cánh với các nhà đầu tư giải quyết những khó khăn về thủ tục hành chính và các vướng mắc phát sinh trong tiến trình hoạt động kinh doanh. Tích cực chuẩn bị các điều kiện để tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại; kịp thời hỗ trợ, cung cấp thông tin thị trường giúp doanh nghiệp đa dạng hóa nguồn cung, đối tác, nhà cung cấp nguyên, nhiên, phụ liệu, linh kiện đầu vào đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

2. Tiếp tục chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường. Tăng cường ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp, doanh nhân, các chủ trang trại tham gia liên kết, thuê ruộng để sản xuất quy mô lớn, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản; quản lý và sử dụng đất đai có hiệu quả. Năm 2023 phấn đấu đạt 238 triệu đồng trên 1 ha canh tác. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhất là xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Tập trung hoàn thành phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. Rà soát sự phù hợp của quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành với quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

4.Tập trung khai thác tốt các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước, hoàn thành và vượt kế hoạch thu ngân sách năm 2023. Thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát chi ngân sách nhà nước. Tiếp tục thực hiện chủ trương tiết kiệm chi thường xuyên, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp. Thực hiện tốt công tác huy động vốn với các mức lãi suất linh hoạt; Đẩy mạnh và tăng cường công tác xử lý nợ xấu gắn với cơ cấu lại TCTD. Tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ lãi suất 2%.

5. Thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Các sở, ngành, địa phương nâng cao trách nhiệm, tích cực, phối hợp để hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai dự án. Thực hiện phương châm có mặt bằng sạch đến đâu bàn giao ngay cho nhà thầu đến đó.

6. Khẩn trương phê duyệt: Kế hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021 – 2025; điều chỉnh, bổ sung KHSDĐ năm 2023 cấp huyện; Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của các huyện, thị xã, thành phố; danh mục dự án cần thu hồi đất và danh mục dự án sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha điều chỉnh, bổ sung năm 2023; danh mục dự án cần thu hồi đất và danh mục dự án sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha năm 2024. Xây dựng Hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Nghiêm túc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở phát sinh chất thải lớn, các

cơ sở là điểm nóng về ô nhiễm môi trường; phối hợp kiểm soát, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước sông Bắc Hưng Hải và cải thiện môi trường các kênh, mương, ao hồ trên địa bàn tỉnh. Triển khai Đề án thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

7. Thực hiện công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng theo quy định. Triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024. Tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục trong tình hình mới.

8. Tổ chức thực hiện hiệu quả các kế hoạch, chương trình phát triển khoa học công nghệ đã ban hành.Triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống; xây dựng các mô hình điểm cho hiệu quả kinh tế cao.

9. Tăng cường các hoạt động y tế dự phòng. Tiếp tục đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế. Tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm thuốc bổ sung, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời và đúng quy định.

10. Tập trung đẩy mạnh công tác tuyển sinh, tuyên truyền, hướng nghiệp học nghề và giải quyết việc làm. Triển khai tiếp nhận và giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực người có công bằng hình thức trực tuyến. Thực hiện đồng bộ công tác bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới và phòng chống tệ nạn xã hội.Xác định rõ các nhóm nguyên nhân dẫn đến nghèo để xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân; phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện của từng ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ hộ nghèo. Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,5%.

11. Triển khai thực hiện hiệu quả các đề án, kế hoạch về quản lý các lĩnh vực văn hóa, thể thao và gia đình đã ban hành. Tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động chiếu phim, biểu diễn nghệ thuật, trưng bày sách , báo, tài liệu, cổ vật, hiện vật; duy trì và phát huy các giá trị di sản văn hóa....Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"; tập trung đào tạo, huấn luyện cho các VĐV để chuẩn bị tham gia các giải thể thao quốc gia. Tiếp tục triển khai các chương trình kích cầu du lịch; tổ chức một số hoạt động hưởng ứng Năm Du lịch quốc gia; tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch trong và ngoài tỉnh. Thực hiện hiệu quả kế hoạch công tác của Ban chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên năm 2023.

12. Triển khaicó hiệu quả các đề án về đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh; các chương trình, kế hoạch tiếp tục triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW; Đề án tinh giản biên chế gắn với sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và cơ cấu lại đội ngũ theo vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh; Đề án sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, giai đoạn 2023-2026. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức. Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền

điện tử tỉnh (phiên bản 2.0). Xây dựng và thúc đẩy ứng dụng CNTT gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh. Tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; tăng cường hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kịp thời phát hiện, xử lý những quy định mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp ở địa phương.

13. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện nghiêm nề nếp, chế độ sẵn sàng chiến đấu, tập luyện thành thục các phương án, kế hoạch tác chiến, kế hoạch phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ. Thực hiện tốt các khâu, các bước trong công tác tuyển, chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2024. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Giải quyết hiệu quả những vấn đề mới, phức tạp liên quan đến ANTT, nhất là tình hình an ninh nông thôn, quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, khoáng sản. Chủ động nắm tình hình nhân dân và việc thực hiện chính sách đền bù giải phóng mặt bằng để xử lý các vướng mắc có thể nảy sinh khiếu kiện kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, đối thoại gắn với giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh ở cơ sở. Nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng.

III. Tổ chức thực hiện

1. HĐND tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này một cách có hiệu quả, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu đề ra.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, PCT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Hưng Yên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Toản